

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 438/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm F, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Vương Anh T, số H, đường H, Khu F, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số C đường N, Tổ D, Khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lý M, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số A đường Đ, Tổ F, Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Bà D và ông M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là hôn nhân tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2018 ngày 02/5/2018. Quá trình chung sống, bà D và ông M có 01 người con chung tên Lý Nhã K, sinh ngày 03/3/2016. Sau khi kết hôn, bà D và ông M sống hạnh phúc, đến năm

2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, bà **D** và ông **M** đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay, bà **D** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **M**; về con chung: bà **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lý Nhã K**, không yêu cầu ông **M** phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà **D** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông **Lý M** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn và yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà **Nguyễn Thị Kiều D**.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vợ chồng bà **D** và ông **M** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà **D**; về con chung, do ông **M** không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về việc nuôi con; nhận thấy con chung còn nhỏ cần được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện nay cháu **Lý Nhã K** đang sống chung với mẹ nên đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của bà **D** là có cơ sở. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không có yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông **Lý M** hiện đang cư trú tại **số A đường Đ, Tổ F, Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương** nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;

Ông **Lý M** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Bà **Nguyễn Thị Kiều D** và ông **Lý M** chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn, qua xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương xác định hai người đã không còn sống chung nhà từ năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án, ông **M** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và cũng không yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **D** yêu cầu được ly hôn với ông **Lý M** là có cơ sở.

Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/3/2024 của ông **Lý M**, thể hiện ông **M** đồng ý ly hôn với bà **D** và không có ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà **D** nên căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Kiều D** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà **D** và ông **M** có 01 con chung tên **Lý Nhã K**, sinh ngày 03/3/2016; bà **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; quá trình giải quyết vụ án ông **M** không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu **K** hiện đang sinh sống ổn định cùng với mẹ nên cần giao cháu **K** cho bà **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung do bà **D** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **D** và giao con chung cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kiều D** đối với bị đơn ông **Lý M** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Bà **Nguyễn Thị Kiều D** được ly hôn ông **Lý M**.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/5/2018)

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lý Nhã K, sinh ngày 03/3/2016.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Lý M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; trường hợp, đương sự lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của con chung Lý Nhã K, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0000968 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Thanh Trị, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Lý Nguyễn Thị Hồng Thanh

Nguyễn Thị Duy Nhân